

Số: 02/KL-STP

Đắk Nông, ngày 03 tháng 7 năm 2020

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực, hộ tịch tại UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Quyết định số 96/QĐ-STP ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông về việc thanh tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực, hộ tịch tại UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 186/BC-ĐTTr ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Đoàn Thanh tra, Giám đốc Sở Tư pháp kết luận thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực chứng thực, hộ tịch tại UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút với những nội dung sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Nam Dong được thành lập vào ngày 26/01/1989 thuộc thị xã Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk). Đến ngày 19/6/1990 thuộc huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Lắk (cũ); ngày 01/01/2004 thuộc huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Xã nằm cách trung tâm huyện Cư Jút 09 km về phía Tây Bắc, phía Bắc giáp xã Ea Pô và xã Đắk Wil, phía Nam giáp thị trấn EaTling và xã Trúc Sơn, phía Đông giáp xã Tâm Thắng và Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, phía Tây giáp xã Đắk Drông và xã Cư Knia. Có diện tích tự nhiên là 4.373,07 ha; dân số có 3.904 hộ = 16.711 khẩu, chia thành 19 thôn; số hộ nghèo 103 hộ chiếm 2,4 %, hộ cận nghèo là 319 chiếm 7,43%. Xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017, đang phấn đấu xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao, xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND và UBND xã, công chức Tư pháp – Hộ tịch thường xuyên chủ động cập nhật thông tin, đổi mới phương thức làm việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân dân và các tổ chức khi đi giao dịch hành chính liên quan đến công tác tư pháp nhằm xây dựng nền hành chính gần dân, vì dân, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu quả, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của xã.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Về tổ chức và hoạt động

- Hiện nay, UBND xã đã bố trí 02 công chức phụ trách công tác Tư pháp – Hộ tịch làm việc tại bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của xã, hàng năm đã cử 02

công chức Tư pháp – Hộ tịch tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do cấp trên tổ chức và đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

- Về cơ sở vật chất: UBND xã đã bố trí phòng làm việc, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chứng thực, hộ tịch được đầy đủ đáp ứng với yêu cầu công tác chuyên môn.

- Việc thực hiện niêm yết: UBND xã đã thực hiện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính và quy định về mức thu các loại lệ phí tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã theo quy định.

- Lập, quản lý, sử dụng mẫu sổ sách, lưu trữ hồ sơ giấy tờ tài liệu theo quy định của Luật Hộ tịch; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan theo quy định.

- Trong năm 2019 và 03 tháng đầu năm 2020 không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nào về công tác tư pháp tại đơn vị.

2. Kết quả thực hiện tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2020

- **Tổng số trường hợp chứng thực năm 2019:** Chứng thực hợp đồng, giao dịch 75 trường hợp; chứng thực di chúc 01 trường hợp; chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản là động sản, văn bản từ chối nhận di sản 42 trường hợp; chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản 123 trường hợp; chứng thực bản sao từ bản chính: 1.873 = 3.365 bản.

- **Chứng thực 3 tháng đầu năm 2020:** Chứng thực hợp đồng, giao dịch 13 trường hợp; Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản là động sản, văn bản từ chối nhận di sản 02 trường hợp; chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản 10 trường hợp; chứng thực bản sao từ bản chính: 3.546 = 9.928 bản.

- **Tổng số trường hợp đăng ký hộ tịch năm 2019:** Đăng ký khai sinh (*đăng ký mới 331, đăng ký lại 545 trường hợp*); đăng ký kết hôn (*đăng ký lần đầu 126, đăng ký lại 04 trường hợp*); đăng ký khai tử 75 trường hợp; đăng ký nhận cha, mẹ, con 01 trường hợp; đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch 09 trường hợp; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 442 trường hợp.

- **Đăng ký hộ tịch 3 tháng đầu năm 2020:** Đăng ký khai sinh (*đăng ký mới 65, đăng ký lại 99 trường hợp*); đăng ký kết hôn 30 trường hợp; đăng ký khai tử 26 trường hợp; cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân 89 trường hợp.

- **Thu lệ phí chứng thực:** Năm 2019: 54.822.000 đồng và 3 tháng đầu năm 2020 là 10.945.000 đồng.

3. Những tồn tại, hạn chế, sai sót phát hiện qua thanh tra

Đoàn Thanh tra đã tiến hành kiểm tra theo xác xuất một số hồ sơ chứng thực, hộ tịch từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2020 kết quả như sau:

3.1. Sai sót chung

- Năm 2019 UBND xã chứng thực 123 trường hợp có thực hiện việc thu lệ phí, nhưng không ghi vào sổ chứng thực theo mẫu sổ chứng thực được quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ.

- Các Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đều không có giấy tờ để chứng minh quan hệ nhân thân của người để lại di sản; không có giấy tờ để chứng minh là cha, mẹ của người để lại di sản đã chết trước người để lại di sản (*không có giấy chứng tử*); Văn bản thỏa thuận tự nguyện phân chia tài sản chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân là chứng thực chữ ký, nhưng UBND xã ký chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Đa số lời chứng thực hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ trích toàn bộ nội dung các thông tin trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng theo mẫu lời chứng thực được quy định Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ.

3.2. Những sai cụ thể về công tác chứng thực

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) số 09/2020 bên chuyển nhượng QSDĐ là ông Nguyễn Văn Thiệp – sinh năm 1960 đứng tên một mình chuyển nhượng QSDĐ nhưng không có giấy tờ để chứng minh tài sản riêng để thực hiện chuyển nhượng QSDĐ.

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 42/2019 ngày 17/12/2019. Không có giấy chứng tử của cha, mẹ người để lại di sản hoặc giấy tờ chứng minh cha, mẹ của người để lại di sản đã chết. Tương tự: văn bản số 39/2019; Văn bản số 30/2019 ngày 10/9/2019; Văn bản số 28 ngày 03/9/2019.

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 36/2019 không có giấy chứng tử của cha, mẹ người để lại di sản mà thực hiện bằng việc cho xác nhận nhân thân và cam kết; văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 34/2019 không thể hiện được người để lại di sản là ai (*mà ghi là đã chết*); văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn số 37 ngày 06/11/2019 là chứng thực chữ ký, nhưng UBND xã chứng thực theo hợp đồng, giao dịch. Tương tự: văn bản số 24 ngày 19/7/2019.

- Văn bản từ chối nhận di sản số 35 ngày 28/10/2019, tài sản tại xã Nghĩa Bình, Nghĩa Hưng, Nam Định, nhưng UBND xã Nam Dong ký chứng thực là không phù hợp theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định 23/2015/NĐ-CP (*Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất*). Tương tự: Văn bản số 33/2019 tài sản tại xã Hòa Lạc, Hữu Lũng, Lạng Sơn; văn bản số 26 ngày 13/8/2019 tài sản tại xã Hải Lý, Hải Hậu, Nam Định.

- Văn bản phân chia di sản thừa kế số 22 ngày 02/7/2019 của các đối tượng là ông Hoàng Thành Đồng, bà Hoàng Thị Minh, bà Hoàng Thị Bình sai về nội dung, trình tự thủ tục, vì di sản là quyền sử dụng đất của ông Hoàng Thành Đồng. Bà Hoàng Thị Bình, bà Hoàng Thị Minh là 02 đối tượng được

hưởng thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất trong phần di sản của ông Đồng. Trong trường hợp này do bà Bình và bà Minh chết thì phải xác định đối tượng thừa kế theo quy định của pháp luật để phân chia di sản.

- Văn bản phân chia di sản thừa kế số 21 ngày 14/6/2019 trong hồ sơ không thể hiện được có bao nhiêu người thuộc diện được hưởng thừa kế (*theo hàng thừa kế thứ nhất như cha, mẹ, con*) mà chỉ thể hiện là chồng chết phân chia di sản đó cho người vợ.

3.3. Những sai sót về công tác hộ tịch

- Sổ hộ tịch nhiều nội dung bị tẩy xóa, viết tắt, sửa chữa sai sót không đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 và Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP (Sổ đăng ký khai sinh).

- Đối với tất cả các mẫu tờ khai hộ tịch hầu hết UBND xã tận dụng các giấy tờ đã qua sử dụng là chưa phù hợp theo quy định.

- Một số trường hợp đăng ký lại khai sinh nhưng không đảm bảo về thủ tục như: Không có văn bản cam đoan của người đi đăng ký khai sinh về việc đã mất bản chính Giấy khai sinh, không có căn cứ ghi nội dung về cha, mẹ của người đăng ký lại khai sinh. UBND xã thực hiện đăng ký lại khai sinh đối với những trường hợp này chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; Điều 4 và Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Cụ thể: Trường hợp Hoàng Văn Tiếng, Trịnh Thị Hồng ngày 12/02/2019.

- Hồ sơ đăng ký lại khai sinh của Nguyễn Đình Lam ngày 21/02/2019, đã đăng ký khai sinh trước đây tại UBND xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (*Lý do đăng ký lại: Không lưu sổ gốc*). Trong hồ sơ lưu không có văn bản trả lời của UBND xã đã đăng ký khai sinh trước đây về việc còn lưu giữ Sổ hộ tịch hay không, không có văn bản cam đoan của người đi đăng ký khai sinh về việc không còn lưu giữ Bản chính Giấy khai sinh. Tuy nhiên, UBND xã vẫn thực hiện đăng ký lại khai sinh đối với trường hợp này là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

- Một số hồ sơ đăng ký lại kết hôn, tại Tờ khai ghi lý do đăng ký lại: không còn lưu sổ gốc; không có văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được sổ hộ tịch; nội dung cam đoan của người yêu cầu đăng ký lại kết hôn chỉ thể hiện đã nộp đầy đủ giấy tờ, không còn lưu sổ gốc và đề nghị UBND xã đăng ký lại. Việc UBND xã thực hiện đăng ký lại đối với những trường hợp mà trong hồ sơ chỉ thể hiện nội dung nêu trên là chưa phù hợp theo quy định tại Khoản 1, Điều 24 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Điều 27 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Cụ thể như: Hồ sơ của Nguyễn Thanh Sỹ và Nguyễn Thị Lua ngày 05/11/2019; Hồ sơ đăng ký lại kết hôn của Trần Văn Vân và Đoàn Thị Thoa

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

1. Nhận xét

- **Về ưu điểm:** UBND xã đã bố trí hai công chức Tư pháp – hộ tịch tham mưu công tác chứng thực, hộ tịch, có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật về chứng thực, hộ tịch, phòng làm việc, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu của công dân đến giao dịch. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc tham mưu công tác tư pháp tại đơn vị.

- **Về tồn tại, sai sót:** Trong hoạt động công tác tư pháp của UBND xã, nhìn chung đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về công tác chứng thực, hộ tịch và các quy định pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động vẫn còn những tồn tại, hạn chế, sai sót trong một số hồ sơ chứng thực, hộ tịch.

2. Kết luận

2.1. Về công tác chứng thực

- Năm 2019 UBND xã chứng thực 123 trường hợp có thực hiện việc thu lệ phí, nhưng không ghi vào sổ chứng thực theo mẫu sổ chứng thực được quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ.

- Các văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không có giấy tờ để chứng minh quan hệ nhân thân của người để lại di sản, không có giấy chứng tử.

- Các văn bản thỏa thuận tự nguyện phân chia tài sản chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân; chứng thực hợp đồng, giao dịch, lời chứng không đúng mẫu lời chứng tại Phụ lục mẫu số 02; số 04 mẫu lời chứng của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ.

- Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 09/2020 bên chuyển nhượng QSDĐ một mình ký hợp đồng chuyển nhượng không có giấy tờ để chứng minh tài sản riêng hoặc văn bản ủy quyền, nhưng UBND xã chứng thực là không đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT.

- Văn bản từ chối nhận di sản số 35; 33; 26/2019, UBND xã chứng thực cho người nơi không có đất (*không có đất tại xã Nam Dong*) là chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ.

- Các Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 42; 39; 30; 28; 34; 36; 22; 21/2019, UBND xã ký chứng thực không đảm bảo theo quy định của pháp luật cụ thể: Không có giấy chứng tử của cha, mẹ người để lại di sản hoặc giấy tờ chứng minh cha, mẹ của người để lại di sản đã chết; không thể hiện được có bao nhiêu đối tượng thuộc diện được hưởng thừa kế (*theo hàng thừa kế thứ nhất như cha, mẹ, con*); không thể hiện được người để lại di sản là ai (*mà ghi là đã chết*); không có giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân như giấy khai sinh, tàng thư hộ khẩu, lý lịch....

- UBND xã chứng thực văn bản thỏa thuận tự nguyện phân chia tài sản chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân; văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn, lời chứng không đúng tại Phụ lục mẫu số 02 lời chứng thực chữ ký của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ.

2.2. Về công tác hộ tịch

- Đối với các việc đăng ký hộ tịch phải gửi văn bản xác minh theo quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 15/2015/TT-BTP nếu quá thời hạn mà không nhận được kết quả xác minh thì cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan. Trong nội dung cam đoan cần thể hiện rõ nội dung cần xác minh và người yêu cầu đăng ký hộ tịch phải chịu trách nhiệm về nội dung cam đoan của mình.

- Đối với Sổ hộ tịch cần thực hiện theo đúng nguyên tắc ghi sổ, công chức làm công tác hộ tịch phải tự mình ghi vào Sổ hộ tịch. Nội dung ghi phải chính xác, rõ ràng, không viết tắt, không tẩy xóa. Trường hợp có sai sót trong việc ghi sổ thì cần thực hiện sửa chữa sai sót theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Phòng Tư pháp huyện Cư Jút

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ đối với công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp của địa phương, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới, phù hợp với tiến trình cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

2. Đối với UBND xã Nam Dong

- Đề nghị UBND xã tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong thời gian qua, tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý đối với công chức Tư pháp – Hộ tịch để nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp của địa phương, đáp ứng yêu cầu của công dân đến tham gia giao dịch.

- Tổ chức nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm đối với cán bộ, công chức có sai sót trong việc thực hiện công tác chứng thực, hộ tịch và tiến hành ngay các biện pháp cần thiết để khắc phục những sai sót được nêu tại (*mục 3, phần II và phần Kết luận*). Cụ thể: Đối với HĐ chuyên nhượng QSDĐ số 09/2020 bổ sung giấy tờ để chứng minh tài sản riêng hoặc văn bản ủy quyền; Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 42/2019; 39/2019; 30/2019; 28/2019; 36/2019; 34/2019 bổ sung giấy chứng tử của cha, mẹ người để lại di sản hoặc giấy tờ chứng minh cha, mẹ của người để lại di sản đã chết; Văn bản phân chia di sản thừa kế số 21/2019, bổ sung giấy tờ chứng minh theo hàng thừa kế thứ nhất như cha, mẹ, con.

- Tiếp tục phát huy những ưu điểm đã đạt được để nâng cao hiệu quả công tác, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự của địa phương.

- Niêm yết Kết luận này tại trụ sở làm việc của đơn vị trong thời gian 15 ngày liên tục, kể từ ngày nhận được Kết luận theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010 và Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ.

- Theo quy định tại Khoản 3, Điều 58 Luật Thanh tra năm 2010, Điều 53 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011; Điều 14 Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ, yêu cầu UBND xã triển khai thực hiện kết luận thanh tra, báo cáo bằng văn bản kết quả tổ chức kiểm điểm và khắc phục những sai sót sau thanh tra gửi về Giám đốc Sở Tư pháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra.

3. Đối với các đơn vị có liên quan

- Phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực, hộ tịch tại UBND cấp xã. Tổ chức các hội nghị chuyên đề về hoạt động chứng thực, hộ tịch, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chứng thực, hộ tịch tại địa phương.

- Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và Thanh tra có trách nhiệm giúp lãnh đạo Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của UBND xã Nam Dong theo quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-TTCP ngày 12/3/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định về hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Trên đây là kết luận thanh tra của Giám đốc Sở Tư pháp về công tác thanh tra chuyên ngành việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng thực, hộ tịch tại UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (thay b/c);
- GD, PGD Sở;
- UBND huyện Cư Jút;
- Phòng Tư pháp huyện Cư Jút;
- UBND xã Nam Dong (t/h);
- Phòng HC&BTTP;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, HS TTr.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Hiếu